

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13-01-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàn;

Ông Tô Văn Nhung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 516/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1967; thường trú: 53 Đ, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh L, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn C, sinh năm 1976; địa chỉ: 51 đường TTH09, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; là Luật sư của Văn phòng luật sư Tín Pháp và thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; thường trú: 20/22 khu phố Thắng Lợi 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/08/2022, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) Phường 7, thành phố Đ, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 024/1994 ngày 11/11/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống tại thành phố Đ. Đến tháng 5/2001 bà T xin về B xin việc làm, ông C không đồng ý nhưng bà T vẫn về B, để hai người con chung lại cho ông C chăm sóc.

Vào lúc 03 giờ sáng ngày 10/01/2002 ông C vào B kêu bà T về Đ thì thấy bà T đang ngủ với một người đàn ông khác, không rõ họ tên. Ông C đánh bà T, bà T nói với ông C là bà không còn tình cảm và không muốn sống chung với ông, sau đó ông về lại Đ. Cùng ngày, ông có làm đơn ly hôn với bà T nhưng chưa nộp đến cơ quan đến thẩm quyền. Khoảng một năm sau, ông C nộp đơn ly hôn tại UBND Phường 7, Thành phố Đ, tỉnh L nhưng đến nay phường không giải quyết.

Ông C xác định nguyên nhân bà T về Bình Dương sinh sống là do ông thường xuyên uống rượu say xỉn. Từ năm 2004 đến nay ông C và bà T sống ly thân, bà T sống ở B, còn ông sống ở Đ, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Sau khi chia tay với bà T, ông có quen với người một người phụ nữ khác và hiện ông với người phụ nữ này đã có 02 người con chung, một người sinh năm 2005, một cháu sinh năm 2011. Nay ông không còn tình cảm với bà T, mỗi người có một cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C yêu cầu ly hôn với bà T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông C và bà T có 02 người con chung tên là Nguyễn Quốc Hoài N, sinh ngày 17/01/1997 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/9/1995. Hiện các con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T thống nhất với ông Nguyễn C về việc tự nguyện tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn và nơi sống sau khi kết hôn. Sau khi kết hôn, bà T với ông C sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C thường xuyên uống rượu, sau đó bà T về B sinh sống. Từ năm 2001 đến năm 2004, bà T vẫn đi về từ Đ lên B. Đến năm 2004, bà T dứt khoát với ông C, do không còn tình cảm nên bà T chuyển hẳn về B sinh sống. Thực tế từ năm 2004 đến nay, ông C có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài và hiện ông C đã có con riêng. Bà T không có người đàn ông khác như ông C đã trình bày.

Bà T xác định bà và ông C đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay, hiện không ai quan tâm đến cuộc sống của ai và bà cũng không còn tình cảm với ông C. Tuy nhiên, thời điểm này bà không đồng ý ly hôn với ông C bởi có một phần đất của ba chồng bà đứng tên hứa sẽ cho ông C và cháu N là con trai của bà với

ông C, hiện đất này chưa làm xong thủ tục thủ tục tặng cho cháu N nên bà không đồng ý ly hôn. Khi nào làm xong thủ tục tặng cho cháu N thì bà T mới đồng ý ly hôn với ông C.

Ngoài ra, bà T cũng xác định từ trước đến nay về quan hệ hôn nhân giữa ông C với bà T chưa được cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông C và bà có 02 người con chung tên là Nguyễn Quốc Hoài N, sinh ngày 17/01/1997 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/9/1995. Hiện các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn C là ông Huỳnh Tấn C trình bày: Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về nội dung vụ án. Về quan hệ hôn nhân, cả ông C và bà T đều xác định hiện không còn tình cảm và vợ chồng ông bà cũng đã ly thân chính thức từ năm 2004 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, bỏ mặc nhau nên đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông C không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

- Ngày 01/11/2022 *Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An và được cung cấp như sau:* Từ trước đến nay, ông C với bà T không có yêu cầu địa phương tổ chức hoà giải cơ sở. Quá trình chung sống thì vấn đề mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung thì Hội Liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An không rõ vì không có thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn C vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 024/1994 ngày 11/11/1994

do Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ, tỉnh L nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông C xác định quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C uống rượu say xỉn. Từ năm 2004 đến nay, ông C và bà T sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Vấn đề này được bà T thừa nhận và bà T cũng xác định hiện không còn tình cảm với ông C. Lý do bà T đưa ra không đồng ý ly hôn với ông C trong thời điểm này là do có một phần đất của ba chồng của bà đứng tên hứa cho ông C và cháu N con trai của bà T với ông C hiện chưa làm thủ tục xong, chứ không phải là do còn tình cảm với ông C.

Xét, quyền sử dụng đất này các đương sự đều xác định là tài sản của ba ruột ông C, không phải là tài sản chung của ông C, bà T. Việc ba ruột ông C tặng cho ai phần đất này không liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa ông C với bà T. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Hiện ông C và bà T đã ly thân nhiều năm, cả hai đều xác định không còn tình cảm, bỏ mặc nhau, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều không muốn hàn gắn tình cảm. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông C và bà T có 02 người con chung tên là Nguyễn Quốc Hoài N, sinh ngày 17/01/1997 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/9/1995. Hiện các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn C về việc tranh chấp ly hôn đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị T (Giấy chứng nhận kết hôn số 024/1994 ngày 11/11/1994 do Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ, tỉnh L cấp).

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị T có 02 người con chung tên là Nguyễn Quốc Hoài N, sinh ngày 17/01/1997 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/9/1995. Hiện các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000663 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ, tỉnh L (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng